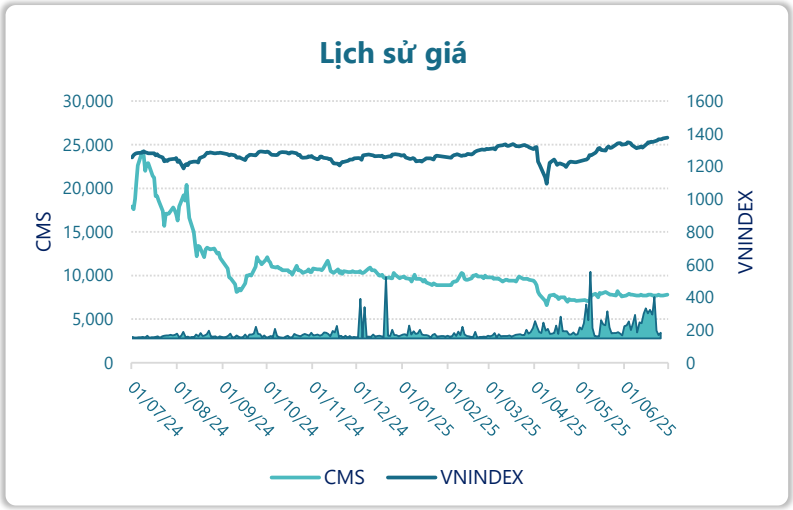
FireAnt

CTCP Tập đoàn CMH Việt Nam (HNX: CMS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	25,452,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	59,775
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	199
P/E	31.7
EPS	246

DT thuần

Q2/25

79.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 22.1| 38.6%

YoY: ▲ 39.3| 98.1%

LN sau thuế

Q2/25

1.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.66| -29.9%

YoY: ▼0.84| -35.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.2%

+/- YoY: ▼ 9.1%

DT thuần

6T 2025

137

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 74.6| 119%

LN sau thuế

6T 2025

3.76

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.29| 52.3%

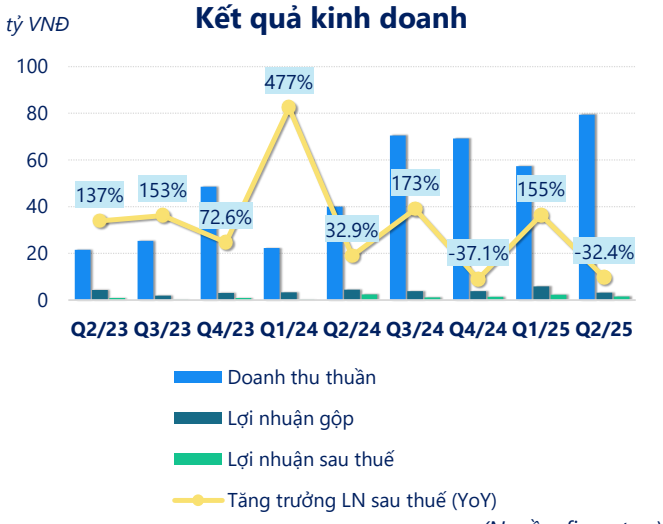
ROE

Q2/25

2.2%

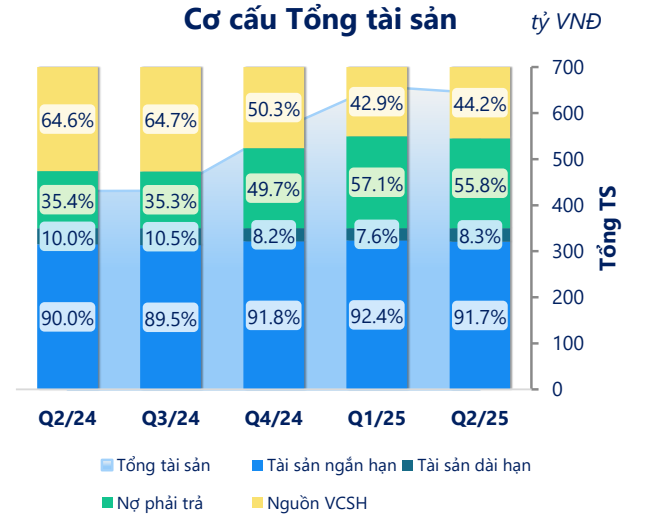
+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh



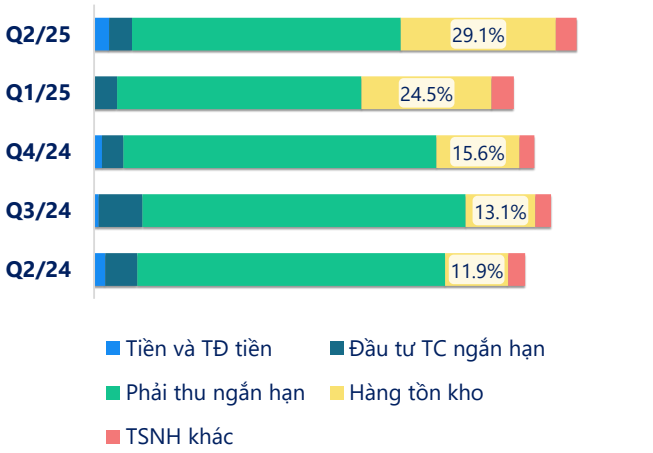
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



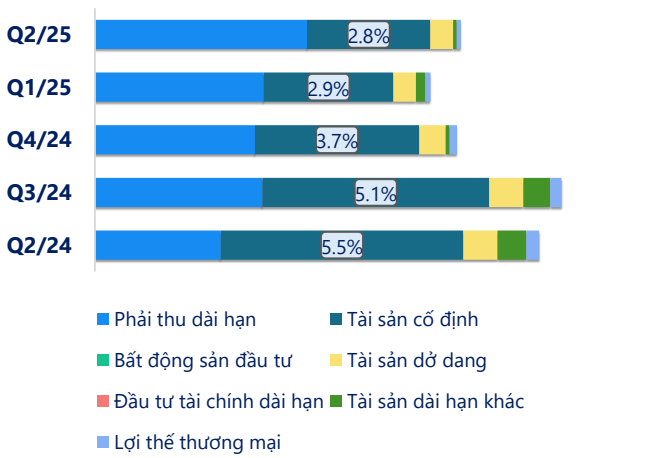
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



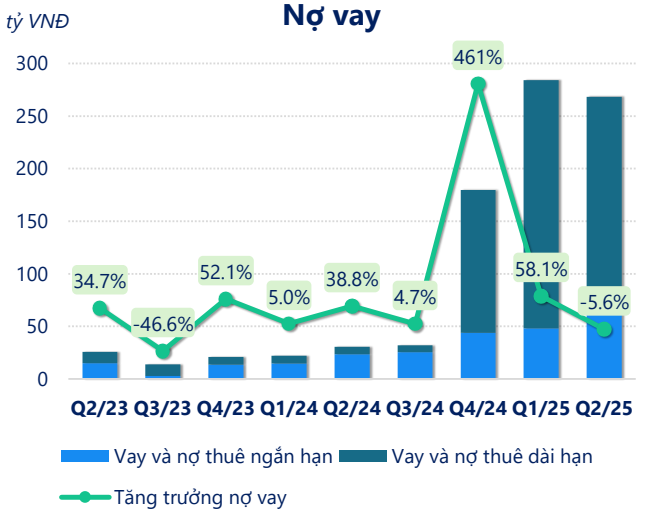
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



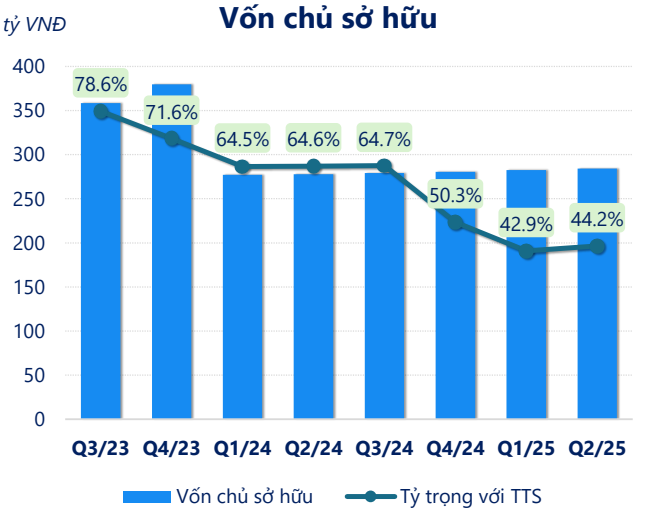
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



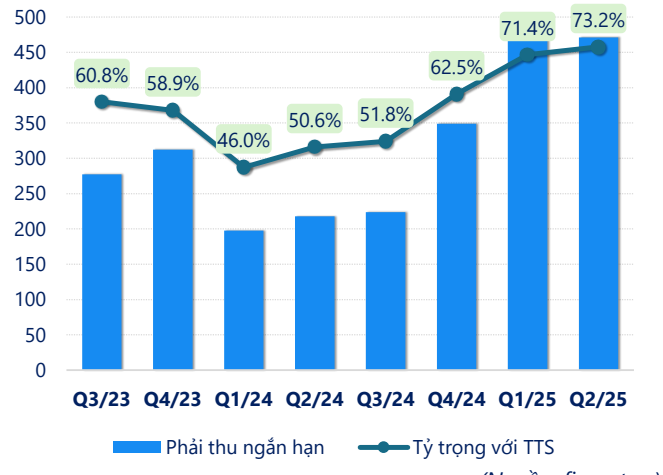
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



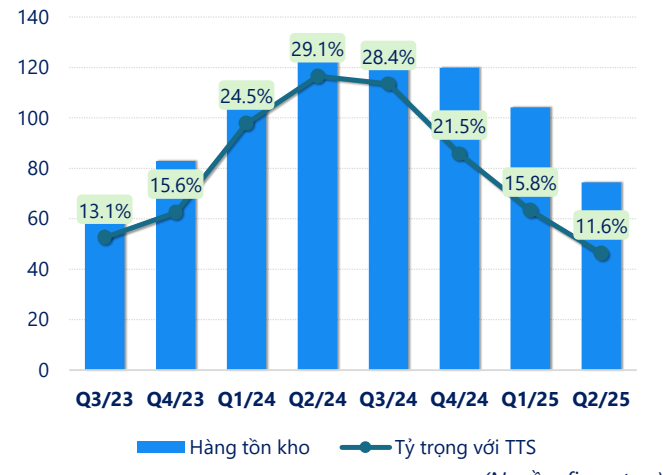
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



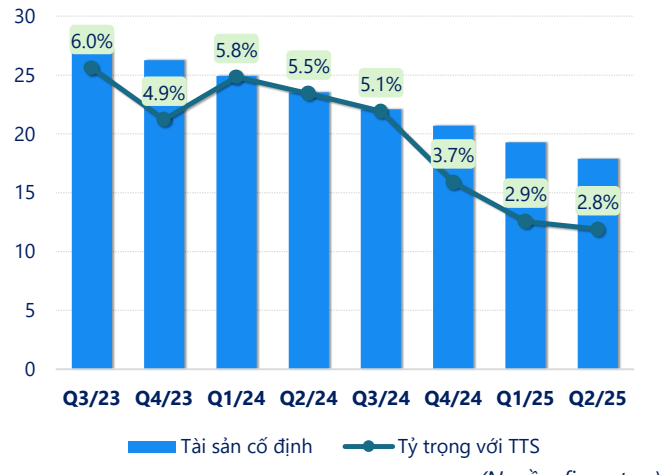
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



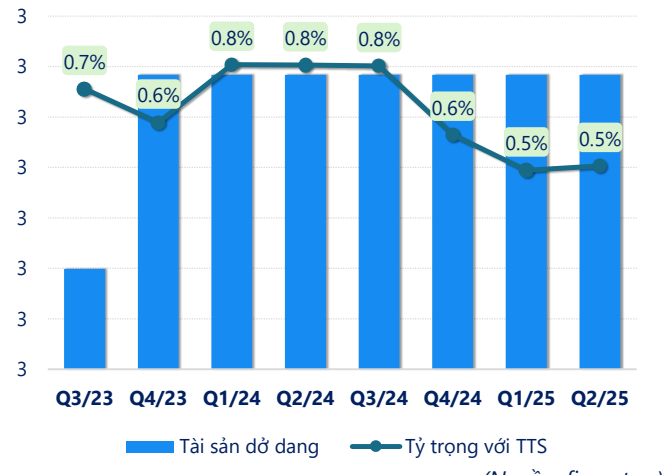
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



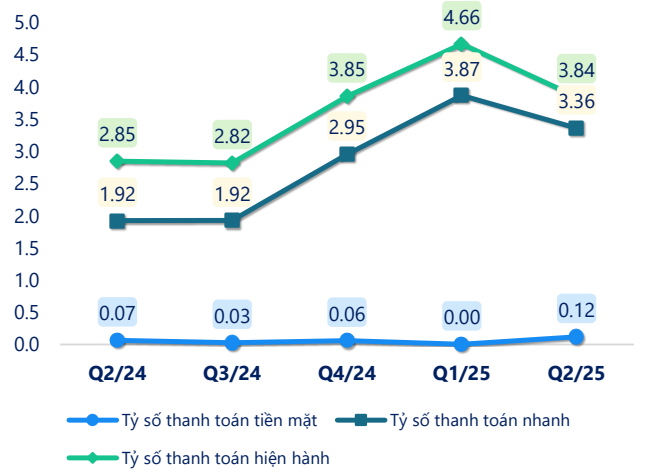
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



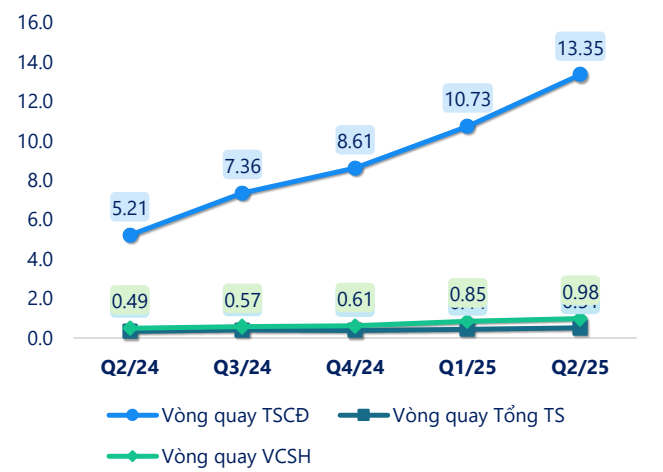
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**430**	**432**	**558**	**658**	**643**
Tài sản ngắn hạn	**387**	**386**	**512**	**608**	**590**
Tiền và tương đương tiền	8.94	3.77	8.14	0.46	18.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.4	18.7	13.9	15.3	15.7
Phải thu ngắn hạn	218	224	349	470	471
Hàng tồn kho	125	122	120	104	74.5
Tài sản ngắn hạn khác	16.8	17.5	21.6	18.2	10.5
Tài sản dài hạn	**43.2**	**45.4**	**45.6**	**49.8**	**53.1**
Phải thu dài hạn	12.2	16.3	20.1	25.0	30.8
Tài sản cố định	23.5	22.1	20.7	19.3	17.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.34	3.34	3.34	3.34	3.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.81	2.60	0.47	1.40	0.51
Lợi thế thương mại	1.25	1.09	0.93	0.78	0.62
Nợ phải trả	**153**	**152**	**277**	**375**	**359**
Nợ ngắn hạn	**136**	**137**	**133**	**130**	**154**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.5	25.5	43.7	48.1	71.8
Phải trả người bán ngắn hạn	37.8	41.8	42.4	39.6	34.1
Nợ dài hạn	16.4	15.5	144	245	206
Vay và nợ thuê dài hạn	7.07	6.50	136	236	196
Nguồn vốn chủ sở hữu	**278**	**279**	**280**	**283**	**284**
Vốn chủ sở hữu	**278**	**279**	**280**	**283**	**284**
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)